

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 24 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ ngày 26/02/2025 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 01/4/1992; Tại: xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân: 038092039080; Cấp ngày: 10/8/2021; Nơi cư trú: Thôn YT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân D (đã chết); Con bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1960; Vợ: Phạm Thị D1, sinh năm: 1997; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/10/2024 đến ngày 03/12/2024 thì áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Văn N, sinh năm 2004; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Nguyễn Trọng A, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

3. Đỗ Đình Q, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

4. Lê Ngọc Kh, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

5. Lê Duy S1, sinh năm 2001; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

6. Phùng Bá D5, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

7. Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

8. Lê Phú D, sinh năm 1992; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

9. Lê Ngọc K, sinh năm 1992; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

10. Lê Duy T2, sinh năm 2001; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

11. Lê Văn Đ, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D Th 1, xã Định L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

12. Đỗ Như D3, sinh năm 1991; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

13. Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Q L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

14. Nguyễn Đắc D4, sinh năm 1991; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Thiệu V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, bắt đầu khoảng thời gian từ tháng 08/2023, Trần Văn T sinh năm 1992 tại thôn YT, xã TC, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa đã sử dụng nguồn tiền của cá nhân cho một số người dân chủ yếu là trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vay với lãi suất thỏa thuận ban đầu từ 4.000đ/01 triệu/01 ngày đến 5.000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương với 146%/1 năm đến 182,5%/1 năm, mức lãi suất thỏa thuận trên cao gấp từ 7,3 đến 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Tiền lãi tính theo tổng số ngày vay thực tế, Tài quy ước với người vay sẽ chốt lãi và số ngày tính tiền lãi cụ thể từng trường hợp, tạm tính tiền lãi 01 tháng là 30 ngày. Khi khách hàng có nhu cầu vay tiền thì hai bên thỏa thuận bằng miệng, Tài không yêu cầu khách vay phải cầm cố, thế chấp tài sản hay làm giấy tờ gì cả, cũng không thỏa thuận trước thời hạn vay, khi nào khách thanh toán đủ tiền vay và lãi thì tất toán khoản vay. Sau khi thống nhất, Tài sẽ cắt

trước tiền lãi của tháng đầu tiên và đưa số tiền còn lại cho khách vay bằng hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản. Hàng tháng đến ngày trả lãi Tài dùng điện thoại gọi để nhắc nhở chứ không đe dọa hay ép buộc gì, Tài không thuê mướn hay nhờ ai khác đi đòi nợ hộ mình.

Quá trình điều tra xác định có 14 người vay tiền của Trần Văn T với mức lãi suất đều vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể như sau:

1. Anh Lê Văn N, sinh năm 2004, ở thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 06/10/2023, Tài cho anh Nam vay số tiền 2.000.000đ. Đến ngày 08/10/2023, Tài tiếp tục cho anh Nam vay số tiền 8.000.000đ và thống nhất với nhau là bắt đầu tính lãi cho khoản vay 10.000.000đ từ ngày 08/10/2023 với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Khi cho vay Tài cắt luôn tiền lãi 01 tháng đầu là 1.500.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Nam là 8.500.000đ.

Khoản vay thứ hai: Ngày 15/11/2023, Tài cho anh Nam vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng đầu là 1.200.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Nam là 8.800.000đ.

Ngoài ra Tài thống nhất với anh Nam chốt lãi suất của khoản vay thứ nhất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày ở ngày 14/11/2023, không thu thêm hay bớt đồng tiền lãi nào nữa. Kể từ ngày 15/11/2023 chỉ tính lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày cho 20.000.000đ của cả hai khoản vay trên.

Anh Nam tiếp tục trả lãi cho số tiền 20.000.000đ nói trên bằng hình thức chuyển khoản vào các ngày như sau: 11/12/2023 là 1.400.000đ; các ngày 18/12/2023, 12/01/2024, 18/01/2024, 12/3/2024, 21/3/2024, 18/4/2024 mỗi ngày là 1.200.000đ; ngày 21/02/2024 là 2.000.000đ.

Đến gày 18/4/2024, anh Nam trả lãi lần cuối và thống nhất với Tài từ sau ngày 18/4/2024 anh Nam không phải trả lãi nữa mà chỉ phải trả tiền gốc, đến nay anh Nam vẫn nợ Tài tiền vay gốc là 20.000.000đ.

Như vậy:

- Thực tế Tài đã thu đủ số tiền lãi là 1.500.000đ của khoản vay 10.000.000đ cho thời gian 38 ngày (*Từ ngày 08/10/2023 đến 14/11/2023*), mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật là: 208,219đ, Tài đã thu lời bất chính số tiền là **1,291,781đ**, lãi suất 144.1%/năm, cao gấp 7.2 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu đủ tiền lãi là 11.800.000đ của khoản vay là 20.000.000đ cho thời gian 156 ngày (*Từ ngày 15/11/2023 đến 18/4/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 1,709,589đ, Tài đã thu lãi vượt quá quy định của pháp luật số tiền là **10,090,411đ**, lãi suất 138%/năm, cao gấp 6.9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

2. Anh Nguyễn Trọng A, sinh năm 1994, ở thôn Đ 1, xã TC, huyện Thiệu

Hóa.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 02/9/2023, Tài cho anh D4 vay số tiền là 20.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày, Tài đã thu trước tiền lãi 01 tháng đầu là 3.000.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh D4 là 17.000.000đ.

Đến ngày 01/10/2023 anh D4 trả bớt tiền vay gốc là 10.000.000đ và trả thêm tiền lãi 01 tháng của 10.000.000đ còn lại là 1.500.000đ.

Anh D4 tiếp tục trả thêm 04 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.500.000đ bằng cách chuyển khoản cho Tài vào các ngày 01/11/2023; 01/12/2023; 02/01/2024; 01/02/2024 và xin không phải trả thêm tiền lãi nữa thì được Tài đồng ý chốt số ngày tính tiền lãi là 150 ngày. Sau đó anh D4 đã trả đủ tiền vay gốc còn lại cho Tài gồm ngày 09/4/2024 chuyển khoản trả 5.000.000đ và ngày 03/5/2024 chuyển khoản trả 5.000.000đ.

Như vậy: Tài đã thu số tiền lãi là 3.000.000đ của khoản vay 20.000.000đ ban đầu trong thời gian 30 ngày (Từ ngày 02/9/2023 đến ngày 01/10/2023), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 328,767đ, số tiền thu lãi bất chính là **2,671,233đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS.

Số tiền lãi Tài đã thu của khoản vay 10.000.000đ còn lại là 7.500.000đ thời gian tính lãi là 150 ngày (Kể từ ngày 02/10/2023), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 821,918đ, số tiền thu lãi bất chính là **6,678,082đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS.

Khoản vay thứ 2: Tháng 10/2023 (*không nhớ rõ ngày*) Tài cho anh D4 vay 5.000.000đ tiền mặt với lãi suất thỏa thuận ban đầu 5.000đ/01 triệu/01 ngày và không thu trước tiền lãi. Anh D4 trả thêm 04 tháng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 09/11/2023 trả 650.000đ (*anh D4 xin giảm 100.000đ tiền lãi*); Các ngày 11/12/2023, 12/01/2024 và 08/02/2024 trả mỗi lần 750.000đ và xin không phải trả thêm tiền lãi nữa, Tài đồng ý chốt lãi cho Dũng vào ngày 08/02/2024. Sau đó anh D4 đã trả đủ số tiền vay gốc là 5.000.000đ bằng tiền mặt (*không nhớ cụ thể ngày trả, tuy nhiên cả anh D4 và Tài đều nhớ anh D4 đã trả khoản tiền gốc này trước khi anh D4 vay khoản thứ 3*). Như vậy khoản vay này Tài thu tiền lãi là 2.900.000đ, do cả Tài và anh D4 đều không nhớ ngày vay cụ thể nên theo nguyên tắc có lợi thời gian bắt đầu vay được tính từ ngày 01/10/2023, tổng số ngày chịu lãi của gói vay này là 131 ngày (*Từ ngày 01/10/2023 đến 08/02/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 358,904đ, số tiền thu lãi bất chính là **2,541,096đ**, lãi suất 161.6%/năm, cao gấp 8.08 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Khoản vay thứ 3: Tháng 5/2024 (*không nhớ rõ ngày*) Tài sử dụng số tiền gốc anh D4 đã trả của khoản vay thứ 2 tiếp tục cho anh D4 vay 5.000.000đ tiền mặt với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và không thu trước tiền lãi. Đến ngày 03/6/2024, anh D4 chuyển khoản cho Tài trả được 01 tháng tiền lãi là

750.000đ và xin không phải trả thêm tiền lãi nữa, Tài đồng ý. Sau đó anh D4 đã trả đủ cho Tài số tiền vay gốc là 5.000.000đ bằng tiền mặt, không nhớ cụ thể ngày trả. Như vậy khoản vay này: Tài đã số tiền lãi là 750.000đ, thời gian chịu lãi là 34 ngày (*Do cả hai người đều không nhớ chính xác ngày cho vay nên theo nguyên tắc có lợi tính từ ngày 01/5/2024 đến 03/6/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 93,151đ, số tiền thu lời bất chính là **656,849đ**. Như vậy thực tế Tài đã thu lãi suất 161.03%/năm, cao gấp 8.05 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

3. Anh Đỗ Đình Q, sinh năm 1996, ở thôn Đ 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 24/8/2023 Tài cho anh Q vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng đầu là 2.250.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho Quang là 12.750.000đ.

Ngày 18/9/2023 anh Q chuyển khoản cho Tài trả lãi tháng tiếp theo là 2.250.000đ và đến thời điểm này Quang chưa trả tiền gốc cho Tài.

Khoản vay thứ 2: Ngày 25/9/2023, Tài cho anh Q vay thêm số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ, tuy nhiên Tài chuyển thừa 750.000đ nên số tiền Tài đã chuyển khoản cho anh Q là 9.250.000đ.

Ngày 17/10/2023 anh Q trả lãi tháng tiếp theo của 02 khoản vay trên là 3.750.000 đồng và trả luôn 750.000 đồng Tài đã chuyển thừa vào ngày 25/9/2024 nên số tiền anh Q chuyển khoản cho Tài là 4.500.000đ.

T và Q thống nhất kể từ ngày 17/11/2023 gộp hai khoản vay nói trên thành một khoản 25.000.000đ, T thu lãi mỗi tháng là 3.700.000đ (*Nếu tính đúng lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày thì số tiền lãi anh Q phải trả hàng tháng là 3.750.000đ*). Anh Q tiếp tục trả thêm 05 tháng tiền lãi của cả 2 khoản vay nói trên bằng hình thức chuyển khoản với số tiền 3.700.000đ mỗi tháng. Cụ thể: Ngày 17/11/2023 anh Q chuyển 3.700.000đ (*Tài không thu thêm hay trả lại tiền lãi anh Q đã trả trước đó của hai khoản vay trên*); Ngày 13/12/2023 chuyển 3.500.000đ (thiếu 200.000đ); Ngày 17/01/2024 chuyển 3.900.000đ (trả thêm 200.000đ còn thiếu của tháng trước); Ngày 20/02/2024 chuyển 2.000.000đ; Ngày 23/02/2024 chuyển 1.700.000đ. Ngày 15/3/2024 anh Q chuyển khoản 3.700.000đ tiền lãi và thống nhất với Tài là Tài tính lãi cho khoản vay 25.000.000đ trong thời gian 150 ngày, sau đó Quang không phải trả thêm tiền lãi nữa. Đến khoảng cuối tháng 4/2024, không nhớ cụ thể ngày, anh Q đã trả đủ cho Tài số tiền gốc là 25.000.000đ bằng tiền mặt.

Khoản vay thứ 3: Ngày 24/6/2024, Tài sử dụng một phần trong số tiền gốc mà anh Q đã trả cho mình vào cuối tháng 4/2024 để tiếp tục cho anh Q vay 5.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng là 750.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Q là 4.250.000đ.

Đến ngày 16/7/2024 anh Q chuyển khoản cho Tài 5.750.000đ trong đó trả số tiền gốc là 5.000.000đ, còn 750.000đ xác định do anh Q nhầm lẫn nên chuyển dư cho Tài, Tài đã trao đổi để trả lại khoản tiền này cho anh Q. Tài và Quang thống

nhất anh Q chịu lãi khoản vay này trong thời gian 30 ngày.

Như vậy:

- Tài đã thu số tiền lãi là 6.750.000đ của khoản vay 15.000.000đ trong thời gian 85 ngày (*từ ngày 24/8/2023 đến 16/11/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 698.630đ, số tiền thu lời bất chính là **6.051.370đ**, lãi suất 193.2%/năm, cao gấp 9.66 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu số tiền lãi là 3.000.000đ của khoản vay 10.000.000đ trong thời gian 53 ngày (*từ ngày 25/9/2023 đến 16/11/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 290.411đ, số tiền thu lời bất chính là **2.709.589đ**, lãi suất 206.6%/năm, cao gấp 10.33 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu số tiền lãi là 18.500.000đ của khoản vay thứ nhất và thứ 2 cho thời gian 150 ngày (*kể từ ngày 17/11/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 2.054.795đ, số tiền thu lời bất chính là **16.445.205đ**, lãi suất 180.01%/năm, cao gấp 9.003 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu số tiền lãi là 1.500.000đ của khoản vay 5.000.000đ với thời gian vay là 30 ngày (*kể từ ngày 24/6/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 82.192đ, số tiền thu lời bất chính là **667.808đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

4. Anh Lê Ngọc Kh, sinh năm 1987, ở thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 31/10/2023, Tài cho anh Kh vay số tiền là 20.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 3.000.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Kh là 17.000.000đ.

Anh Kh trả thêm 01 tháng tiền lãi là 3.000.000đ vào tháng 12/2023 bằng tiền mặt (*không nhớ rõ ngày*). Sau đó đến khoảng cuối tháng 12/2023 (*không nhớ rõ ngày*) anh Kh đã trả đủ số tiền vay gốc là 20.000.000đ cho Tài bằng tiền mặt, Tài không thu thêm tiền lãi mà thống nhất tính lãi khoản vay này cho anh Kh trong thời gian 60 ngày.

Khoản vay thứ 2: Ngày 30/12/2023, Tài cho anh Kh vay số tiền là 20.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 3.000.000đ nên số tiền thực tế T chuyển khoản cho anh Kh là 17.000.000đ. Được 10 ngày thì anh Kh đến trả tiền gốc, T tính lại tiền lãi anh Kh phải trả chỉ là 1.000.000đ nên số tiền anh Kh trả cho Tài là 18.000.000đ (20.000.000đ tiền vay gốc trừ tiền lãi thừa là 2.000.000đ) bằng tiền mặt.

Như vậy:

- T đã thu tiền lãi là 6.000.000đ của khoản vay 20.000.000đ ngày 31/10/2023 cho thời gian 60 ngày (*Từ ngày 31/10/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu

theo quy định của pháp luật là: 657.534đ, số tiền thu lời bất chính là **5.342.466đ**.

- T đã thu tiền lãi là 1.000.000đ của khoản vay 20.000.000đ ngày 30/12/2023 cho thời gian 10 ngày (*Từ ngày 30/12/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 109.589đ, số tiền thu lời bất chính là **890.411đ**.

Với hai khoản vay trên thực tế Tài đã thu lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

5. Anh Lê Duy S1, sinh năm 2001, ở thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Ngày 06/3/2024, Tài cho anh S vay số tiền là 15.000.000đ (Sử dụng từ số tiền gốc 20.000.000đ của khoản vay thứ hai mà anh Lê Ngọc Kh đã trả cho Tài vào thời điểm đầu tháng 01/2024) với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 2.250.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh S 12.750.000đ.

Anh S tiếp tục chuyển khoản trả tiền lãi cho Tài như sau: Ngày 11/4/2024 là 1.500.000đ; ngày 07/6/2024: 2.000.000đ; ngày 16/6/2024: 1.500.000đ. Trong đó ngày 07/6/2024 và 16/6/2024 anh S nhờ tài khoản của anh Hoàng Văn Lợi (sinh năm 2002, ở thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa) để chuyển tiền trả lãi.

Ngoài ra ở lần trả lãi ngày 16/6/2024 anh S trả bớt tiền vay gốc là 10.000.000đ và xin không phải trả số tiền lãi còn thiếu. Ngày 18/7/2024, anh S tiếp tục nhờ tài khoản của anh Hoàng Văn Lợi để trả lãi 01 tháng là 750.000đ của số tiền vay 5.000.00 đ còn lại. Đến ngày Trần Văn T bị cơ quan điều tra tạm giữ anh S còn nợ tiền vay gốc là 5.000.000đ và số tiền lãi của 5.000.000đ tiền gốc còn lại.

Như vậy:

- Tài đã thu tiền lãi là 7.250.000đ của khoản vay 15.000.000đ cho thời gian 103 ngày (*Từ ngày 06/3/2024 đến 16/6/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của pháp luật là: 846.575đ, số tiền thu lời bất chính là **6.403.425đ**, lãi suất 4.692đ/1 triệu/1 ngày, cao gấp 8.565 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Đối với số tiền gốc còn nợ 5.000.000đ, với thời gian vay là 125 ngày (*Từ ngày 17/6/2024 đến ngày tội phạm bị phát hiện 19/10/2024*), theo như thoả thuận thì số tiền lãi Tài nhằm mục đích thu mà Sơn phải trả cho Tài là: 3.125.000đ, thực tế Tài mới thu được: 750.000đ, số tiền lãi cao nhất Tài được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 342.466đ, như vậy số tiền Tài nhằm mục đích thu lời bất chính là: **2.782.534đ**; thực tế Tài đã thu lời bất chính số tiền là: **407.534đ**, lãi suất của khoản vay này là 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Hiện Sơn còn nợ Tài 2.375.000đ tiền lãi và 5.000.000đ tiền gốc.

6. Anh Phùng Bá D5, sinh năm 1985, ở thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Ngày 15/6/2024 Tài dùng toàn bộ số tiền gốc 10.000.000đ mà anh Nguyễn Trọng A trả vào ngày 09/4/2024 và 03/5/2024 để cho anh Duẩn vay, sang ngày 16/6/2024, Tài sử dụng một phần trong số tiền gốc 25.000.000đ anh Q trả cho mình vào cuối tháng 4/2024 để tiếp tục cho anh Duẩn vay, đều tính lãi suất 4.000đ/01

triệu/01 ngày. Khi cho vay Tài đều thu trước tiền lãi 01 tháng mỗi khoản vay là 1.200.000đ nên số tiền thực tế mỗi lần anh Duẩn nhận được là 8.800.000đ.

Anh Duẩn trả thêm 02 tháng tiền lãi, cụ thể: Ngày 16/7/2024 là 2.400.000đ gồm 1.000.000đ chuyển khoản Ngân hàng và 1.400.000đ tiền mặt; tháng 8/2024 (không nhớ rõ ngày) là 2.400.000đ tiền mặt. Từ đó đến ngày tội phạm bị phát hiện anh Duẩn chưa trả thêm đồng tiền lãi nào và đang nợ số tiền gốc 20.000.000đ.

Như vậy:

- Đối với khoản vay 10.000.000đ ngày 15/6/2024, thời gian vay tính đến ngày Tài tội phạm bị phát hiện là 127 ngày (*Từ ngày 15/6/2024 đến 19/10/2024*) Tài đã thu được số tiền lãi là 3.600.000đ, đúng theo thoả thuận Tài sẽ phải thu tiền lãi là 5.080.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định là: 695.890đ, như vậy số tiền Tài nhằm mục đích thu lời bất chính là **4.384.110đ**, thực tế Tài đã thu lời bất chính được **2.904.110đ**.

- Đối với khoản vay 10.000.000đ ngày 16/6/2024, thời gian vay tính đến ngày tội phạm bị phát hiện là 126 ngày (*Từ ngày 16/6/2024 đến 19/10/2024*) Tài đã thu được số tiền lãi là 3.600.000đ, đúng theo thoả thuận Tài sẽ phải thu tiền lãi là 5.040.000đ, số tiền lãi tối đa được phép thu theo quy định là: 690.411đ, như vậy số tiền Tài nhằm mục đích thu lời bất chính là **4.349.589đ**, thực tế Tài đã thu lời bất chính được **2.909.589đ**.

Do đó với cả hai khoản vay trên, thực tế T có mục đích thu lãi suất là 146%/năm, cao gấp 7.3 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

7. Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1979, ở thôn S 2, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Ngày 28/11/2023, Tài cho anh Th vay số tiền là 10.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Th là 8.500.000đ.

Anh Th trả thêm 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 1.500.000đ gồm tháng 12/2024 (không nhớ rõ ngày) trả tiền mặt và ngày 29/01/2024 chuyển khoản ngân hàng. Sau đó anh Th xin không trả thêm tiền lãi, Tài đồng ý và chốt số ngày tính tiền lãi là 90 ngày, anh Th không phải trả lãi nữa mà chỉ phải trả tiền gốc cho Tài. Đến tháng 6/2024 (*không nhớ rõ ngày*), anh Th đã trả 10.000.000đ tiền vay gốc bằng tiền mặt cho Tài.

Như vậy: Tài đã thu số tiền lãi là 4.500.000đ của khoản vay 10.000.000đ cho thời gian 90 ngày (*Kể từ ngày 28/11/2023*), mức tiền lãi cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 493.151đ, số tiền thu lời bất chính là: **4.006.849đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

8. Anh Lê Phú D, sinh năm 1992, ở thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Ngày 16/11/2023, Tài cho anh Dương vay số tiền là 30.000.000đ với lãi suất là 4.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 3.600.000đ nên số tiền

thực tế Tài chuyển khoản cho anh Dương là 26.400.000đ.

Anh Dương chuyển khoản cho Tài trả thêm 05 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 3.600.000đ vào các ngày 20/12/2023, 19/01/2024, 23/02/2024, 23/3/2024, 06/5/2024. Sau đó anh Dương xin không trả thêm tiền lãi, Tài đồng ý và chốt số ngày tính tiền lãi là 180 ngày. Ngày 14/5/2024, anh Dương chuyển khoản đã trả bớt 20.000.000đ tiền vay gốc, đến ngày 03/6/2024, anh Dương trả nốt 10.000.000đ tiền vay gốc còn lại cũng bằng hình thức chuyển khoản.

Như vậy: Tài đã thu số tiền lãi là 21.600.000đ của khoản vay 30.000.000đ cho thời gian tính lãi là 180 ngày (*kể từ ngày 16/11/2023*), mức tiền lãi cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 2.958.904đ, số tiền thu lời bất chính là: **18.641.096đ.**

Do đó thực tế Tài đã thu lãi suất 146%/năm, cao gấp 7.3 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

9. Anh Lê Ngọc K, sinh năm 1992, ở thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 02/11/2023, Tài cho anh Khang vay số tiền là 30.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng là 4.500.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Khang là 25.500.000đ. Đến ngày 08/12/2023 anh Khang trả đủ tiền vay gốc là 30.000.000đ và Tài không thu thêm tiền lãi.

Khoản vay thứ 2: Ngày 22/12/2023, Tài lấy tiền gốc mà anh Khang đã trả cho Tài ở khoản vay thứ nhất tiếp tục cho anh Khang vay 20.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng là 3.000.000 đồng nên thực tế Tài chuyển khoản cho anh Khang 17.000.000đ. Anh Khang chuyển khoản trả thêm 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 3.000.000đ vào các ngày 26/01/2024, 29/02/2024, 08/3/2024.

Đến ngày 29/3/2024 anh Khang trả bớt 10.000.000đ tiền vay gốc và trả trước 01 tháng lãi là 1.500.000đ của 10.000.000đ còn lại. Tài không thu thêm hay trả bớt tiền lãi mà anh Khang đã trả trước đó.

Khoản vay thứ 3: Cũng trong cùng ngày 29/3/2024 Tài lấy số tiền gốc anh Khang vừa mới trả ngay trước đó tiếp tục cho anh Khang vay 10.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Khang là 8.500.000đ. Sau đó anh Khang xin không trả thêm tiền lãi và sẽ trả tiền vay gốc sau thì Tài thống nhất thu lãi của khoản vay này trong thời gian 30 ngày. Đến ngày 16/6/2024, anh Khang đã trả 20.000.000đ tiền vay gốc.

Như vậy:

- Tài đã thu tiền lãi là 4.500.000đ của khoản vay 30.000.000đ trong thời gian 37 ngày (*Từ ngày 02/11/2023 đến 08/12/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 608.219đ, số tiền thu lời bất chính là: **3.891.781đ**, lãi suất 148%/năm, cao gấp 7.4 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Đối với khoản vay thứ hai là 20.000.000đ, Tài và anh Khang chốt ngày khoá tiền lãi là 29/3/2024 với số tiền lãi là 12.000.000đ, thời gian tính lãi là 99 ngày (Từ ngày 22/12/2023 đến 29/3/2024), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 1.084.932đ, số tiền thu lời bất chính là: **10.915.068đ**, lãi suất 221.2%/năm, cao gấp 11.06 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Đối với khoản vay thứ 3 bao gồm 10.000.000đ còn lại của khoản 2 và 10.000.000đ vay mới ngày 29/3/2024, Tài đã thu tiền lãi là 3.000.000đ, thời gian tính lãi là 30 ngày (Kể từ ngày 29/3/2024), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 328.767đ, số tiền thu lời bất chính là: **2.671.233đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

10. Anh Lê Duy T2, sinh năm 2001, ở thôn S 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa.

Ngày 28/11/2023, anh Toàn vay của Tài (Vay giúp cho anh Lê Ngọc K) số tiền 20.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu luôn tiền lãi 01 tháng là 3.000.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Toàn là 17.000.000đ. Sau đó Toàn đưa lại số tiền này cho anh Khang.

Anh Toàn chuyển khoản trả thêm 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng 3.000.000đ vào các ngày 01/01/2024 và 30/01/2024. Đến khoảng cuối tháng 02/2024, anh Khang là người đã trả đủ số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng bằng tiền mặt cho Tài.

Như vậy: Tài đã thu số tiền lãi là 9.000.000đ của khoản vay 20.000.000đ cho thời gian tính lãi là 90 ngày (từ ngày 28/11/2023), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 986.301đ, số tiền thu lời bất chính là: **8.013.699đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.125 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

11. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1995, ở thôn D Th 1, xã Định L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 05/12/2023 Tài cho anh Định vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 4.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.200.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Định là 8.800.000đ. Anh Định đã chuyển khoản trả thêm 06 tháng tiền lãi nữa, mỗi tháng 1.200.000đ vào các ngày 05/01/2024; 06/02/2024; 06/03/2024; 07/5/2024; 11/07/2024; 13/8/2024. Cho đến ngày 19/10/2024 thì anh Định chưa thanh toán thêm đồng tiền lãi nào cũng như chưa trả tiền gốc.

Như vậy: Với thời gian vay tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày phát hiện tội phạm là 19/10/2024 là 320 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh Định phải trả cho Tài là: 12.800.000đ, số tiền thực tế Tài đã thu được đối với khoản vay này là: 8.400.000đ, mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 1.753.425đ, do đó số tiền thu lời bất chính Tài có mục đích đạt được là: **11.046.575đ**, số tiền thu lời bất chính thực tế Tài đã thu được là: **6.646.575đ**.

Thực tế Tài có mục đích thu lãi suất khoản vay này là 146%/năm, cao gấp 7,3

lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Hiện anh Định còn nợ Tài 10.000.000đ tiền gốc và 4.400.000đ tiền lãi.

12. Anh Đỗ Như D3, sinh năm 1991, ở thôn Đ 1, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 06/3/2024 Tài (đã sử dụng 20.000.000đ của khoản vay anh Toàn trả vào cuối tháng 02/2024 và 5.000.000đ từ số tiền gốc mà anh Lê Ngọc Kh trả cho Tài vào thời điểm đầu tháng 01/2024 sau khi cho Lê Duy S1 vay còn dư lại) cho anh Dự vay số tiền 25.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 4.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 3.000.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Dự là 22.000.000đ.

Anh Dự trả thêm 04 tháng tiền lãi nữa, mỗi tháng 3.000.000đ gồm 03 tháng trả bằng tiền mặt và 01 tháng cuối trả bằng tiền chuyển khoản vào ngày 08/8/2024. Kể từ sau ngày 08/8/2024 anh Dự cũng xin Tài không phải thêm tiền lãi nữa thì Tài đồng ý. Hiện anh Dự vẫn nợ Tài tiền vay gốc.

Như vậy: Tài đã thu số tiền lãi là 15.000.000đ của khoản vay trên cho anh Tài trong thời gian 156 ngày (*Từ ngày 06/3/2024 đến 08/8/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 2.136.986đ, số tiền thu lời bất chính là: **12.863.014đ**, thu lãi suất 140.4%/năm, cao gấp 7.019 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

13. Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1995, ở khu 2, TT. Q L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Khoản vay thứ 1: Ngày 06/11/2023, Tài sử dụng tiền gốc anh Nguyễn Trọng A trả cho mình vào ngày 01/10/2023 để cho anh Tr vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 4.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.200.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh Tr là 8.800.000đ.

Anh Tr chuyển khoản trả thêm 04 tháng tiền lãi nữa, cụ thể: các ngày 06/12/2023; 07/01/2024; 17/4/2024 mỗi lần trả 1.200.000đ; ngày 06/02/2024 trả 700.000đ, anh Tr xin bớt 500.000đ thì Tài đồng ý. Ngoài ra sau khi trả lãi ngày 17/4/2024 anh Tr xin không phải trả thêm tiền lãi nữa thì cũng được Tài đồng ý. Sau đó anh Tr đã trả đủ tiền vay gốc bằng tiền mặt cho anh Tài.

Khoản vay thứ 2: Ngày 04/12/2023, anh Tr tiếp tục vay Tài số tiền 5.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 4.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 600.000đ nên số tiền thực tế anh Tr nhận được là 4.400.000đ. Anh Tr chuyển khoản trả thêm 03 tháng tiền lãi nữa, cụ thể:

- Ngày 07/01/2024 trả 500.000đ, anh Tr xin bớt 100.000đ nên đã chuyển khoản cho Tài 1.700.000đ (gồm 500.000 đồng khoản vay thứ 1 này và 1.200.000đ khoản vay thứ 2)

- Ngày 06/02/2024 trả 300.000đ, anh Tr xin bớt 300.000đ nên đã chuyển khoản cho Tài 1.000.000đ (gồm 700.000đ khoản vay thứ 1 này và 300.000đ khoản vay thứ 2).

- Ngày 17/4/2024 trả 600.000đ và xin không phải trả thêm tiền lãi nữa thì Tài

đồng ý nên anh Tr đã chuyển khoản cho Tài 1.800.000đ (gồm 1.200.000đ khoản vay thứ 1 này và 600.000đ khoản vay thứ 2).

Đến ngày 16/5/2024 anh Tr đã trả đủ tiền vay gốc cho anh Tài.

Như vậy:

- Tài đã thu tiền lãi là 5.500.000đ của khoản cho vay 10.000.000đ trong thời gian 164 ngày (*Từ ngày 06/11/2023 đến 17/4/2024*). Với khoản vay này mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 898.630đ, số tiền thu lời bất chính là: **4.601.370đ**, lãi suất 122.41%/năm, cao gấp 6.12 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu tiền lãi là 2.000.000đ của khoản cho vay 5.000.000đ trong thời gian 136 ngày (*Từ ngày 04/12/2023 đến 17/4/2024*). Với khoản vay này mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 372.603đ, số tiền thu lời bất chính là: **1.627.397đ**, lãi suất là 2.941đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với 107.4%/năm, cao gấp 5.37 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

14. Anh Nguyễn Đắc D4, sinh năm 1991, ở thôn 6, xã Thiệu V, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 27/12/2023, Tài sử dụng số tiền gốc anh Khang trả ngày 08/12/2023 (Sau khi cho anh Khang tiếp tục vay lần hai là 20.000.000đ, còn lại 10.000.000đ) cho anh D4 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế Tài chuyển khoản cho anh D4 là 8.500.000đ. Đến ngày 13/01/2024 anh D4 đã trả đủ tiền vay gốc và Tài không thu thêm hay trả lại tiền lãi đã thu. Tài và anh D4 Thống nhất khoản vay này anh D4 phải chịu lãi trong thời gian 30 ngày.

Khoản vay thứ 2: Ngày 20/01/2024, Tài cho anh D4 vay số tiền 10.000.000đ (Từ số tiền gốc anh Kh trả vào cuối tháng 12/2023) với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế anh D4 nhận được là 8.500.000đ. Ngày 19/2/2024 anh D4 trả thêm 01 tháng tiền lãi là 1.500.000đ. Đến ngày 19/3/2024 anh D4 đã trả đủ tiền vay gốc và Tài không thu thêm hay trả lại tiền lãi đã thu.

Khoản vay thứ 3: Ngày 26/02/2024, Tài cho anh D4 vay số tiền 10.000.000đ (Tài lấy từ số tiền gốc anh Kh trả vào cuối tháng 12/2023) với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế anh D4 nhận được là 8.500.000đ. Đến ngày 19/3/2024 anh D4 đã trả tiền vay gốc và Tài không thu thêm hay trả lại tiền lãi đã thu. Tài và anh D4 Thống nhất khoản vay này anh D4 phải chịu lãi trong thời gian 30 ngày.

Khoản vay thứ 4: Ngày 15/4/2024, Tài sử dụng tiền gốc anh Nguyễn Đắc D4 trả ngày 13/01/2024 để tiếp tục cho anh D4 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế anh D4 nhận được là 8.500.000đ. Đến ngày 11/5/2024 anh D4 chuyển khoản đã trả đủ tiền vay gốc và Tài không thu thêm hay trả lại tiền lãi đã thu.

Tài và anh D4 Thống nhất khoản vay này anh D4 phải chịu lãi trong thời gian 30 ngày.

Khoản vay thứ 5: Ngày 06/05/2024, Tài sử dụng tiền gốc mà anh Nguyễn Đắc D4 đã trả ngày 19/3/2024 để tiếp tục cho anh D4 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày và thu trước tiền lãi 01 tháng là 1.500.000đ nên số tiền thực tế anh D4 nhận được là 8.500.000đ. Anh D4 trả thêm 02 tháng tiền lãi nữa là 1.500.000đ vào các ngày 18/6/2024; 11/7/2024 và xin không trả thêm tiền lãi nữa. Tài thống nhất sẽ tính lãi gói vay này với thời gian 90 ngày, sau đó anh D4 không phải trả lãi nữa mà chỉ trả gốc. Đến ngày 18/10/2024 anh D4 đã chuyển khoản cho Tài trả đủ tiền vay gốc.

Như vậy:

- Tài đã thu tiền lãi là 1.500.000đ của khoản vay 10.000.000đ ngày 27/12/2023 trong thời gian thỏa thuận là 30 ngày (*Kể từ ngày 27/12/2023*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 164.384đ, số tiền thu lời bất chính là: **1.335.616đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu tiền lãi là 3.000.000đ của khoản vay 10.000.000đ ngày 20/01/2024 trong thời gian 60 ngày (*Từ ngày 20/01/2024 đến 19/3/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 328.767đ, số tiền thu lời bất chính là: **2.671.233đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu tiền lãi là 1.500.000đ của khoản vay 10.000.000đ ngày 26/02/2024 trong thời gian thỏa thuận là 30 ngày (*Kể từ ngày 26/02/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 164.384đ, số tiền thu lời bất chính là: **1.335.616đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu tiền lãi là 1.500.000đ của khoản vay 10.000.000đ ngày 15/4/2024 trong thời gian thỏa thuận là 30 ngày (*Kể từ ngày 15/4/2024*), mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 164.384đ, số tiền thu lời bất chính là: **1.335.616đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Tài đã thu số tiền lãi là 4.500.000đ của khoản vay 10.000.000đ ngày 06/5/2024 cho thời gian 90 ngày, mức lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là: 493.151đ, số tiền thu lời bất chính là: **4.006.849đ**, lãi suất 182.5%/năm, cao gấp 9.1 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. (BL:306-443; 449-505).

Như vậy số tiền gốc T dùng để quay vòng cho các đối tượng vay là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi Trần Văn T được thu theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã làm việc được là 22.926.027đ (Hai hai triệu chín trăm hai sáu nghìn không trăm hai bảy đồng). Tổng số tiền lãi Trần Văn T nhằm mục đích thu vượt quá quy định của 14 người vay nêu trên theo quy định tại khoản

1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 162.918.973đ, (Một trăm sáu hai triệu chín trăm mười tám nghìn chín trăm bảy ba đồng), số tiền thu vượt quá quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thực tế Tài đã nhận được là 153.223.973đ (Một trăm năm ba triệu hai trăm hai ba nghìn chín trăm bảy ba đồng).

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSND - TH ngày 10/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trần Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 2, 3 điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 điều 35; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị Xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Cần buộc bị cáo nộp lại số tiền 135.000.000đ (Một trăm ba lăm triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và 22.926.027đ là tiền lãi suất trong hạn do phạm tội mà có.

Buộc anh Lê Văn N nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Nam chưa trả.

Buộc anh Lê Duy S1 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh S chưa trả.

Buộc anh Phùng Bá D5 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Duẩn chưa trả.

Buộc anh Lê Văn Đ nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Định chưa trả.

Buộc anh Đỗ Như D3 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Dự chưa trả.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước - 01 (một) điện thoại di động loại iphone 12 màu xanh, số seri: G6TDF86D0F0X, đã qua sử dụng, gắn 01 thẻ sim số 0968473386. (Đây là điện thoại Tài sử dụng để làm công cụ gọi điện, nhắn tin giao dịch cho vay lãi nặng).

Đề nghị tiếp tục phong tỏa 02 số tài khoản: 1040894271 (Ngân hàng ngoại thương Việt Nam) và 3501205869800 (Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam) của bị cáo Trần Văn T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi, vi phạm của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024, Trần Văn T đã sử dụng số tiền gốc là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng) cho 14 người vay lãi nặng, vượt mức lãi suất mà pháp luật cho phép, bằng hình thức cho vay cắt lãi trước, lãi tính theo ngày, mức lãi suất tương đương từ 107.35%/1 năm đến 206.6%/1 năm của khoản tiền vay đã vượt mức gấp hơn 05 lần, mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, số tiền nhằm mục đích thu lời bất chính là 162.918.973đ, (Một trăm sáu hai triệu chín trăm mười tám nghìn chín trăm bảy ba đồng). Tuy nhiên còn một số người vay vẫn chưa trả đủ tiền lãi nên số tiền thu lời bất chính thực tế Tài đã nhận được là 153.223.973đ (Một trăm năm ba triệu hai trăm hai ba nghìn chín trăm bảy ba đồng). Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Hành vi của bị cáo thực hiện làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn điều đứng, góp phần làm gia tăng loại tội phạm nguy hiểm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả là trả lại số tiền lãi thu vượt quá quy định cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú, ngoài ra bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy xét thấy việc áp dụng hình phạt phạt tù, cho hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Cần áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền gốc 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên còn 5 người vay chưa trả hết số tiền gốc cho bị cáo gồm: Lê Văn N còn nợ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc, Lê Duy S1 còn nợ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là số tiền gốc; anh Phùng Bá D5 còn nợ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là số tiền gốc; anh Lê Văn Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là số tiền gốc; anh Đỗ Như D3 còn nợ 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là số tiền gốc. Tổng cộng là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Vì vậy số tiền buộc bị cáo phải nộp lại là 135.000.000đ (Một trăm ba lăm triệu đồng) và 22.926.027đ (Hai hai triệu chín trăm hai sáu nghìn không trăm hai bảy đồng) là tiền lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định sung quỹ nhà nước. Truy thu của những người vay chưa trả tiền gốc cho bị cáo gồm: anh Lê Duy S1 5.000.000đ (Năm triệu đồng), truy thu của anh Lê Văn N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), truy thu của anh Phùng Bá D5 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), truy thu của anh Lê Văn Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), truy thu của anh Đỗ Như D3 số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đối với số tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá so với quy định của pháp luật của những người vay gồm: Anh Lê Văn N: 11.382.192đ ; anh Nguyễn Trọng A: 12.547.260đ; anh Đỗ Đình Q: 25.873.972đ; anh Lê Duy T2: 8.013.699đ; anh Lê Duy S1: 6.810.959đ; anh Phùng Bá D5 5.813.699đ; anh Nguyễn Hữu Th: 4.006.849đ; anh Lê Ngọc Kh: 6.232.877đ, anh Lê Phú D 18.641.096đ, anh Lê Ngọc K: 17.478.082đ, anh Lê Văn Đ 6.646.575đ, anh Đỗ Như D3: 12.863.014đ, anh Nguyễn Quang Tr: 6.228.767đ, anh Nguyễn Đắc D4: 10.684.930đ. Quá trình giải quyết vụ án Trần Văn T đã trả lại đầy đủ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người vay đã có đơn đề nghị xác nhận đã được bị cáo trả lại, những người vay không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (một) điện thoại di động loại iphone 12 màu xanh, số seri: G6TDF86D0F0X, đã qua sử dụng, gắn 01 thẻ sim số 0968473386, điện thoại đã qua sử dụng là phương tiện liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

- Đối với 02 số tài khoản: 1040894271 (Ngân hàng ngoại thương Việt Nam) và 3501205869800 (Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam) hiện đang bị áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản. Hiện tại số tài khoản tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam không có tiền. Đối với tài khoản tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam hiện có số tiền 1.129.398đ (Một triệu

một trăm hai chín nghìn ba trăm chín tám đồng) cần tiếp tục phong tỏa để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án

[8]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Trần Văn T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (Hai tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Văn T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Truy thu của Trần Văn T nộp Ngân sách nhà nước số tiền 135.000.000đ (Một trăm ba lăm triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền 22.926.027đ (Hai hai triệu chín trăm hai sáu nghìn không trăm hai bảy đồng) là tiền phát sinh từ phạm tội mà có. Tổng cộng là 157.926.027đ (Một trăm năm bảy triệu chín trăm hai sáu nghìn không trăm hai bảy đồng).

- Truy thu của anh Lê Văn N nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Nam chưa trả.

Truy thu của anh Lê Duy S1 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh S chưa trả.

Truy thu của anh Phùng Bá D5 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Duẩn chưa trả.

Truy thu của anh Lê Văn Đ nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Định chưa trả.

Truy thu của anh Đỗ Như D3 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là số tiền gốc đã vay của bị cáo, nhưng anh Dự chưa trả.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động loại iphone 12 màu xanh, số seri: G6TDF86D0F0X, đã qua sử dụng, gắn 01 thẻ sim số 0968473386;

Tiếp tục phong tỏa 02 số tài khoản: 1040894271 (Ngân hàng ngoại thương Việt Nam) và 3501205869800 (Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông Thôn Việt Nam) của bị cáo Trần Văn T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

(Đặc điểm vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thiệu Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa ngày 13/01/2025).

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

